

Số: 01 /2009/TTLT-BNV-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2009

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:
	Ngày:
	Chuyên:

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 33/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung (sau đây viết tắt là Nghị định số 33/2009/NĐ-CP);

Sau khi trao đổi ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Viên chức thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập).

3. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước và hưởng lương theo bảng lương do Nhà nước quy định được cấp có thẩm quyền cử đến làm việc tại các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các dự án và các cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

4. Cán bộ chuyên trách và công chức ở xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

5. Giáo viên mầm non trong biên chế và giáo viên mầm non hợp đồng quy định tại Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo Quyết định số 58/TTg ngày 03 tháng 02 năm 1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04 tháng 3 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động) trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

9. Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

10. Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng Thông tư này để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật:

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế trả lương của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội và của đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền cho phép vận dụng xếp lương theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước;

b) Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong nước và ngoài nước thuộc biên chế trả lương của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội và của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Công chức dự bị, người đang trong thời gian tập sự hoặc thử việc (kể cả tập sự công chức cấp xã) trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Cán bộ, công chức, viên chức đang bị đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam;

đ) Các đối tượng ký kết hợp đồng lao động đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội nêu tại Thông tư này là các tổ chức quy định tại Điều 1 Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức tại Điều 1 Thông tư này sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí

Mức lương, phụ cấp (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu, nếu có) và hoạt động phí của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 được tính như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 1 Thông tư này, thì căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp hiện hưởng quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và mức lương tối thiểu chung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 33/2009/NĐ-CP để tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như sau:

a) Công thức tính mức lương:

$$\left[\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Mức lương tối thiểu} \\ \text{chung 650.000} \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} \text{Hệ số} \\ \text{lương} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right]$$

b) Công thức tính mức phụ cấp:

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương tối thiểu chung:

$$\left[\begin{array}{c} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu chung} \\ 650.000 \text{ đồng/tháng} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} \text{Hệ số} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right]$$

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

$$\left[\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/5/2009 \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \end{array} \right] + \left[\begin{array}{c} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{chức vụ} \\ \text{lãnh đạo} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right] + \left[\begin{array}{c} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{thâm niên} \\ \text{vượt khung} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} \text{Tỷ lệ} \\ \% \text{ phụ cấp} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \\ \text{theo quy} \\ \text{định} \end{array} \right]$$

- Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

c) Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có):

$$\left[\begin{array}{c} \text{Mức tiền của hệ số} \\ \text{chênh lệch bảo lưu} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \end{array} \right] = \left[\begin{array}{c} \text{Mức lương tối} \\ \text{thiểu chung} \\ 650.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right] \times \left[\begin{array}{c} \text{Hệ số chênh} \\ \text{lệch bảo lưu} \\ \text{hiện hưởng} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \right]$$

2. Đối với người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư này căn cứ vào mức lương tối thiểu chung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 33/2009/NĐ-CP để tính mức lương ghi trong hợp đồng; tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tiền lương ngày nghỉ lễ, nghỉ hàng năm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư này, thì căn cứ vào hệ số hoạt động phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 2 Điều 75 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính mức hoạt động phí theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức hoạt động} \\ \text{phí thực hiện từ} \\ 01/5/2009 \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương tối thiểu} \\ \text{chung 650.000} \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số} \\ \text{hoạt động phí} \\ \text{theo quy định} \end{array} \right)$$

4. Đối với người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư này

a) Người làm công tác cơ yếu là quân nhân, công an nhân dân áp dụng cách tính mức lương và phụ cấp theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an;

b) Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, thì thực hiện tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như đối với cán bộ, công chức, viên chức theo cách tính quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng hưởng lương, phụ cấp và hoạt động phí quy định tại Điều 1 Thông tư này, căn cứ vào số đối tượng đến ngày 01 tháng 5 năm 2009 để tính mức lương, mức phụ cấp, mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) và hoạt động phí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Việc xác định quỹ tiền lương, phụ cấp, hoạt động phí và xác định nhu cầu quỹ tăng thêm và nguồn kinh phí đối với các đối tượng hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Kinh phí thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với người lao động quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư này do đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm từ nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Mức lương, phụ cấp (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu, nếu có) và hoạt động phí của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này được tính theo mức lương tối thiểu chung 650.000 đồng/tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 05/2007/TTLT-BNV-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp.

5. Các khoản trích và các chế độ được hưởng tính theo mức lương tối thiểu chung được tính lại tương ứng từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

6. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung từ ngày 01 tháng 5 năm 2009 đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./. *g*

 BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH <i>[Signature]</i> Vũ Văn Ninh	 BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ <i>[Signature]</i> Trần Văn Tuấn
---	---

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng ở Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;
- UBND, HĐND, SNV, STC các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Lưu : VT, Vụ TL (BNV), VT (BTC).